TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **339**/2026/DS-PT
Ngày: 02 - 7 - 2026
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Duy Thuấn;

2. Bà Lưu Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 151/2026/TLPT-DS ngày 26/5/2026, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2026/DS-ST, ngày 24/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 297/2026/QĐ-PT ngày 17/6/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Q, sinh năm 1973; địa chỉ: Đường N, xã Q, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1981 và ông Dương Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn T, xã Q, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Dương Văn T và bà Hoàng Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Q trình bày có nội dung như sau:*

Bà Q có quen biết với vợ chồng bà Hoàng Thị L và ông Dương Văn T, vì trước đây bà Q có công tác cùng trường học với bố của bà L. Từ năm 2015 đến năm 2018, bà Q có cho vợ chồng ông T, bà L vay tiền nhiều lần vào các ngày như sau:

- Ngày 12/12/2015 Âm lịch cho vay số tiền 100.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 01 năm.

- Ngày 15/02/2018 Âm lịch cho vay số tiền 30.000.000 đồng, không ghi rõ lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả, đây là khoản tiền mượn nóng.

- Ngày 26/02/2018 Âm lịch cho vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, lãi trả hàng tháng, không ghi rõ thời hạn trả nợ.

- Ngày 25/9/2018 Dương lịch cho vay số tiền 50.000.000 đồng, không ghi lãi suất, không ghi rõ thời hạn trả nợ.

- Ngày 12/12/2018 Dương lịch cho vay số tiền 135.500.000 đồng, không ghi lãi suất, không ghi rõ thời hạn trả nợ.

Trong đó, giấy vay tiền ngày 12/12/2015 Âm lịch và ngày 15/02/2018 Âm lịch có ông T, bà L ký tên; còn giấy vay tiền các ngày 26/02/2018 Âm lịch, ngày 25/9/2018 Dương lịch và ngày 12/12/2018 Dương lịch, thì chỉ mình bà L ký tên nhưng đây là khoản nợ vợ chồng bà L, ông T vay về làm ăn nên ông T, bà L cùng chịu trách nhiệm các khoản nợ này. Các khoản vay trong giấy vay tiền không ghi rõ lãi suất nhưng thỏa thuận miệng là tính lãi 1,5%/tháng. Từ ngày vay cho đến nay, bà L ông T chưa trả nợ cho bà Q bất kỳ khoản tiền gốc hay tiền lãi nào. Vì vậy, bà Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L và ông T phải trả cho bà khoản tiền gốc là 415.500.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

**/ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn ông Dương Văn T và bà Hoàng Thị L trình bày có nội dung như sau:*

Vợ chồng bà L, ông T xác nhận có ký vay 05 khoản tiền của bà Lê Thị Q như nội dung mà bà Q trình bày, mục đích vay để làm ăn và giúp đỡ bạn bè. Tuy nhiên, từ năm 2015 đến năm 2018, vợ chồng bà L, ông T có vay của bà Q tổng số tiền là 1,8 tỷ đồng, trong đó bà Q trả nợ ngân hàng giúp vợ chồng bà L số tiền 1,4 tỷ đồng và vợ chồng bà L vay tiền mặt của bà Q là 415.500.000 đồng. Cuối năm 2018 vợ chồng bà L, ông T đã chuyển nhượng cho bà Q 02 thửa đất và 01 bộ bàn ghế, trong đó: Thửa đất diện tích 1,8ha trị giá 1,35 tỷ đồng; thửa đất diện tích 1,5ha trị giá 950.000.000 đồng và bộ bàn ghế trị giá 42.000.000 đồng.

Tại thời điểm làm hồ sơ chuyển nhượng thì hai bên thỏa thuận miệng là bà Q đứng tên giúp vợ chồng bà, sau này vợ chồng bà trả hết nợ thì bà Q sang tên trả lại bìa đỏ cho vợ chồng bà. Tuy nhiên, sau đó bà Q đã lấy luôn 02 thửa đất trên, như vậy bà Q đã lấy đất và lấy bộ bàn ghế của vợ chồng bà để khấu trừ nợ. Tổng giá trị tài sản vợ chồng bà chuyển nhượng cho bà Q là 2,35 tỷ đồng, dư 500.000.000 đồng so với số tiền vợ chồng bà nợ bà Q. Do vậy, đối với việc bà Q khởi kiện vợ chồng bà số tiền còn nợ 415.500.000 đồng và lãi suất thì vợ chồng bà không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L xác định các khoản vay trong giấy vay tiền không ghi rõ lãi suất nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất là từ 2.000 đồng đến 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tuỳ từng khoản vay và không xác định rõ mức lãi của từng khoản vay, chứ không phải lãi suất là 1,5%/tháng như bà Q trình bày. Đối với khoản vay 100.000.000 đồng vào ngày 12/12/2015 Âm lịch, lãi suất 1,5%/tháng thì bà L đã trả tiền lãi cho bà Q được 14 tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng tiền lãi nhưng bà L không cung cấp được giấy tờ chứng minh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2026/DS-ST, ngày 24/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 474; khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 464; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Q.

- Buộc ông Dương Văn T và bà Hoàng Thị L trả cho bà Lê Thị Q số tiền nợ gốc là 415.500.000 đồng và tiền lãi là 333.673.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Ông Dương Văn T và bà Hoàng Thị L phải chịu 33.967.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị Q không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.754.000 đồng theo biên lai thu số 0004727 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/4/2026, bị đơn ông Dương Văn T và bà Hoàng Thị L có đơn kháng cáo, với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, vì bà Q đã lấy tài sản của gia đình ông bà vượt quá số nợ của vợ chồng ông bà; đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xác định bị đơn không còn nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Dương Văn T và bà Hoàng Thị L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến, với nội dung: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn T và bà Hoàng Thị L là không có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn T và bà Hoàng Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đối với kháng cáo của ông Dương Văn T và bà Hoàng Thị L, xét thấy:

[1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất: Vợ chồng ông Dương Văn T, bà Hoàng Thị L có vay của bà Lê Thị Q tổng số tiền 415.500.000 đồng, cụ thể: Ngày 12/12/2015 Âm lịch, vay số tiền 100.000.000 đồng; ngày 15/02/2018 Âm lịch, vay số tiền 30.000.000 đồng; ngày 26/02/2018 Âm lịch, vay số tiền 100.000.000 đồng; ngày 25/9/2018 Dương lịch, vay số tiền 50.000.000 đồng và ngày 12/12/2018 Dương lịch, vay số tiền 135.500.000

đồng. Trong các khoản vay trên, chỉ có khoản vay ngày 12/12/2015 Âm lịch có thoả thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 01 năm; các khoản vay còn lại không thoả thuận thời hạn trả nợ và có tranh chấp về mức lãi suất.

[2] Ông Dương Văn T bà Hoàng Thị L kháng cáo cho rằng bà Lê Thị Q đã lấy 02 thửa đất và 01 bộ bàn ghế của gia đình ông bà, tổng giá trị các tài sản này nhiều hơn số tiền mà vợ chồng ông bà nợ bà Q, nên vợ chồng ông bà không còn nợ tiền bà Q nữa. Tuy nhiên, ông T và bà L không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc bà Q nhận chuyển nhượng 02 thửa đất và lấy bộ bàn ghế để khấu trừ nợ; đồng thời bà Q không thừa nhận nội dung này và xác nhận việc bà trả nợ thay cho vợ chồng bà L, ông T khoản nợ tại ngân hàng là để lấy giấy tờ đất ra và vợ chồng bà L, ông T chuyển nhượng đất cho bà và không có việc khấu trừ nợ vay. Do đó, không có căn cứ để xác định ông T và bà L đã trả hết số tiền vay nêu trên cho bà Q.

[3] Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Vợ chồng bà Hoàng Thị L và ông Dương Văn T có vay và còn nợ bà Lê Thị Q số tiền gốc là 415.500.000 đồng; bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Q, buộc ông Dương Văn T và bà Hoàng Thị L phải trả cho bà Lê Thị Q số tiền nợ gốc là 415.500.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, với số tiền lãi 333.673.000 đồng, là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn T và bà Hoàng Thị L là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận và cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, là đúng đắn.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị đơn ông Dương Văn T và bà Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn T và bà Hoàng Thị L; giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2026/DS-ST, ngày 24/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk.

Áp dụng: Khoản 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 464, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Q.

Buộc vợ chồng bà Hoàng Thị L và ông Dương Văn T phải trả cho bà Lê Thị Q số tiền nợ gốc là 415.500.000 đồng và tiền lãi là 333.673.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 749.173.000 đồng (bảy trăm bốn mươi chín triệu một trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Văn T và bà Hoàng Thị L phải chịu 33.967.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Q không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.754.000 đồng theo Biên lai thu số 0004727 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dương Văn T và bà Hoàng Thị L, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo Biên lai thu số 0003951 ngày 10/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 3 – Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 3 – Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Bình